

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH - SỰ PHẠM TIẾNG ANH

A. THÔNG TIN CHUNG

- **Khối kiến thức chung** (không tính các môn học GDCT và GDQP) **20 tín chỉ**

 - **Khối kiến thức chuyên ngành** **75 tín chỉ**
 - * **Bắt buộc:** 55 tín chỉ
 - * **Tự chọn:** 20 tín chỉ
 - **Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sự phạm** **34 tín chỉ**
 - * **Kiến thức cơ sở chung:** 14 tín chỉ
 - * **Kiến thức, kỹ năng và NLDH chuyên ngành:** 8 tín chỉ
 - * **Thực hành sự phạm:** 12 tín chỉ
 - **Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương** **6 tín chỉ**
- Tổng cộng: 135 tín chỉ**

B. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Tên các học phần	Mã học phần	Học kỳ	Số Tín Chỉ	Mã học phần tiên quyết	Ghi chú
I	Khối kiến thức chung			20		
1	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Phần 1 (Triết học)	POLI 101	2	2		Môn chung bắt buộc hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
2	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Phần 2 (KTCT & CNXHKKH)	POLI 201	3	3	POLI 101	Môn chung bắt buộc hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI 202	4	2	POLI 201	Môn chung bắt buộc hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI 301	5	3	POLI 202	Môn chung bắt buộc hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
5.2	Tiếng Pháp 1	FREN 101	1	4		+ Đối với sinh viên học Tiếng Anh của chương trình đào tạo thứ 1: Hoàn thành ngoại ngữ 2 ở chương trình đào tạo 2 (SPTA) . Tự chọn 1 trong 3 ngoại ngữ : Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga + Đối với các sinh viên đã học Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga ở chương trình đào tạo 1 thì được bảo lưu kết quả
5.3	Tiếng Nga 1	RUSS 101	1	4		+ Đối với sinh viên học Tiếng Anh của chương trình đào tạo thứ 1: Hoàn thành ngoại ngữ 2 ở chương trình đào tạo 2 (SPTA) . Tự chọn 1 trong 3 ngoại ngữ : Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga + Đối với các sinh viên đã học Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga ở chương trình đào tạo 1 thì được bảo lưu kết quả

5.4	Tiếng Trung 1	CHIN 101	1	4		+ Đối với sinh viên học Tiếng Anh của chương trình đào tạo thứ 1: Hoàn thành ngoại ngữ 2 ở chương trình đào tạo 2 (SPTA) . Tự chọn 1 trong 3 ngoại ngữ : Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga + Đối với các sinh viên đã học Tiếng Pháp, Tiếng Trung, Tiếng Nga ở chương trình đào tạo 1 thì được bảo lưu kết quả
6.2	Tiếng Pháp 2	FREN 102	2	3	FREN 101	Giống như hướng dẫn ở Tiếng Pháp 1
6.3	Tiếng Nga 2	RUSS 102	2	3	RUSS 101	Giống như hướng dẫn ở Tiếng Nga 1
6.4	Tiếng Trung 2	CHIN 102	2	3	CHIN 101	Giống như hướng dẫn ở Tiếng Trung 1
7.2	Tiếng Pháp 3	FREN 201	3	3	FREN 102	Giống như hướng dẫn ở Tiếng Pháp 1
7.3	Tiếng Nga 3	RUSS 201	3	3	RUSS 102	Giống như hướng dẫn ở Tiếng Nga 1
7.4	Tiếng Trung 3	CHIN 201	3	3	CHIN 102	Giống như hướng dẫn ở Tiếng Trung 1
8	Giáo dục thể chất 1	PHYE 101	1	1		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
9	Giáo dục thể chất 2	PHYE 102	1	1		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
10	Giáo dục thể chất 3	PHYE 201	2	1		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
11	Giáo dục thể chất 4	PHYE 202	2	1		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
12	Giáo dục quốc phòng	DEFE 201	2	8		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
II	Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm			34		
II.1	Kiến thức cơ sở chung RL năng lực SP			14		
13	Tâm lý học giáo dục	PSYC 101	1	4		+ Đối với sinh viên học chương trình đào tạo thứ 1 là hệ SP: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 1 + Đối với sinh viên cử nhân (ngoài sư phạm): Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
14	Giáo dục học	PSYC 102	2	3	PSYC 101	+ Đối với sinh viên học chương trình đào tạo thứ 1 là hệ SP: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 1 + Đối với sinh viên cử nhân (ngoài sư phạm): Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
15	Thực hành nghề	PSYC 103	3	2	PSYC 102	+ Đối với sinh viên học chương trình đào tạo thứ 1 là hệ SP: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 1 + Đối với sinh viên cử nhân (ngoài sư phạm): Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
16	Giao tiếp sư phạm	PSYC 104	4	2	PSYC 102	+ Đối với sinh viên học chương trình đào tạo thứ 1 là hệ SP: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 1 + Đối với sinh viên cử nhân (ngoài sư phạm): Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)

17	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	PSYC 003	5	3		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
II.2	Kiến thức, kĩ năng và NLDH chuyên ngành			8		
18	Lý luận dạy học tiếng Anh	ENGL 231	3	2	ENGL 113, ENGL 114	Môn chuyên ngành bắt buộc: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
19	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	ENGL 232	4	3	ENGL 231	Môn chuyên ngành bắt buộc: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
20	Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy TA	ENGL 348	6	3	ENGL 231, ENGL 232	Môn chuyên ngành bắt buộc: Hoàn thành môn học ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
II.3	Thực hành sư phạm			12		
21	Rèn luyện NVSP thường xuyên	COMM001	2	3		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 1
22	Thực hành dạy học tại trường	ENGL 002	4	3	PSYC 102	Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
23						
24	Thực tập sư phạm	COMM	8	6		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
III	Khối kiến thức chuyên ngành			75		
III.1	Các môn học bắt buộc			55		
III.1.1	Nhóm học phần kiến thức chung nhóm ngành			6		
25	Cơ sở văn hóa Việt Nam	PHIL 177	1	2		Môn bắt buộc chung của nhóm ngành: Nếu sinh viên chưa học ở chương trình đào tạo thứ 1 thì sẽ đăng ký học và hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
26	Dẫn luận ngôn ngữ học	PHIL 187	3	2		Môn bắt buộc chung của nhóm ngành: Nếu sinh viên chưa học ở chương trình đào tạo thứ 1 thì sẽ đăng ký học và hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
27	Tiếng Việt	PHIL 282	2	2		Môn bắt buộc chung của nhóm ngành: Nếu sinh viên chưa học ở chương trình đào tạo thứ 1 thì sẽ đăng ký học và hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
III.1.2	Nhóm học phần kĩ năng ngôn ngữ Anh			33		
28	Phát triển kĩ năng Nghe-Nói 1	ENGL 111	1	3		Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
29	Phát triển kĩ năng Đọc-Viết 1	ENGL 112	1	3		Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
30	Phát triển kĩ năng Nghe-Nói 2	ENGL 113	2	3	ENGL 111	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
31	Phát triển kĩ năng Đọc-Viết 2	ENGL 114	2	4	ENGL 112	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
32	Phát triển kĩ năng Nghe-Nói 3	ENGL 221	3	2	ENGL 113	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
33	Phát triển kĩ năng Đọc-Viết 3	ENGL 212	3	2	ENGL 114	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
34	Phát triển kĩ năng Nghe-Nói 4	ENGL 213	4	2	ENGL 221	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)

35	Phát triển kỹ năng Đọc-Viết 4	ENGL 214	4	2	ENGL 212	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
36	Phát triển kỹ năng Nghe-Nói 5	ENGL 311	5	2	ENGL 213	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
37	Phát triển kỹ năng Đọc-Viết 5	ENGL 312	5	3	ENGL 214	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
38	Phát triển kỹ năng Nghe-Nói 6	ENGL 313	6	3	ENGL 311	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
39	Phát triển kỹ năng Nghe-Nói 7	ENGL 437	7	2	ENGL 313	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
40	Phát triển kỹ năng Đọc-Viết 7	ENGL 412	7	2	ENGL 214, ENGL 311	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
II.1.3	Nhóm học phần Ngôn ngữ Anh			12		
41	Ngữ âm – Âm vị học	ENGL 346	5	2	ENGL 213, ENGL 214	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
42	Ngữ pháp học	ENGL 233	4	2	ENGL 112, ENGL 113	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
43	Từ vựng – Ngữ nghĩa học	ENGL 347	6	2	ENGL 212	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
44	Dịch	ENGL 433	7	3	ENGL 347	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
45	Phương pháp nghiên cứu khoa học	ENGL 235	4	3	ENGL 113, ENGL 114	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
II.1.4	Nhóm học phần Văn hóa văn minh và văn học			04		
46	Văn hóa - Văn minh Anh – Mỹ	ENGL 341	5	4	ENGL 213, ENGL 214	Môn bắt buộc học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
III.2	Các môn học tự chọn			20		
III.2.1	Nhóm học phần kỹ năng ngôn ngữ Anh			6/15		
47	Phát triển kỹ năng Đọc-Viết 6	ENGL 314	6	3	ENGL 312	Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
48	Phát triển ngôn ngữ lớp học cho giáo viên tiếng Anh	ENGL 216	4	3	ENGL 422	Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
49	Kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh	ENGL 344	5	3	ENGL 111, ENGL 113	
50	Tiếng Anh trong giao dịch thương mại	ENGL 215	4	3	ENGL 111, ENGL 112	
51	Tiếng Anh viết khoa học	ENGL 345	6	3	ENGL 311, ENGL 312	
III.2.2	Nhóm học phần phương pháp dạy học Tiếng Anh			3/18		
52	Nhập môn tiếp thụ ngôn ngữ hai	ENGL 431	7	3	ENGL 231	
53	Thiết kế chương trình dạy học	ENGL 349	5	3	ENGL 231,	

					232, 348	
54	Dạy TA cho trẻ em bậc tiểu học	ENGL 333	6	3	ENGL 232	
55	Phát triển tài liệu dạy học TA	ENGL 334	6	3	ENGL 231, ENGL 232	
56	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ	ENGL 335	5	3		Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
57	Tư duy phê phán trong dạy học TA	ENGL 436	7	3	ENGL 311, ENGL 312	
III.2.3	Nhóm học phần Ngôn ngữ Anh			7/12		
58	Phân tích diễn ngôn	ENGL 448	7	2	ENGL 347	Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
59	Ngữ dụng học	ENGL 447	7	2	ENGL 347	Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
60	Lý thuyết giao tiếp	ENGL 234	3	3		Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
61	Ngôn ngữ học tâm lý	ENGL 434	7	3	PSYC 201, PHIL 187	
62	Ngôn ngữ học xã hội	ENGL 446	7	3	PHIL 187	
III.2.4	Nhóm học phần Văn hóa văn minh và văn học			4/10		
63	Văn học Anh – Mỹ	ENGL 441	7	4	ENGL 313, 314, 341	Môn tự chọn học tại chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
64	Giao tiếp liên văn hóa	ENGL 342	6	3	ENGL 311, 312, 341	
65	Văn hóa – Văn minh Á châu	ENGL 343	5	3	ENGL 213, ENGL 214	
IV.	Khóa luận hoặc tương đương			6		
66	Khóa luận tốt nghiệp	ENGL 499	8	6		Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
67	Phát triển kỹ năng học theo dự án	ENGL 432	8	3	ENGL 412, ENGL 437	Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)
68	Phát triển năng lực tự bồi dưỡng của giáo viên	ENGL 435	8	3	ENGL 232	Hoàn thành ở chương trình đào tạo thứ 2 (SPTA)

Chú ý: - Đối với sinh viên Tiếng Pháp sẽ được miễn học ngoại ngữ 2, nhưng cuối kỳ vẫn phải tham gia dự thi để lấy điểm thi hết môn